

**ỦY BAN DÂN TỘC****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****Số: 4438/UBNDT – CSDT****V/v triển khai thực hiện****Quyết định số 50/2016/QĐ-TTg****Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2016****Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh .....**

Thực hiện Quyết định số 50/2016/QĐ-TTg ngày 03/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020; ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ tại văn bản số 8866/VPCP-KGVX ngày 18/10/2016 của Văn phòng Chính phủ yêu cầu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định phê duyệt danh sách các xã thuộc diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020 trước ngày 15/12/2016 (có văn bản đính kèm);

Ủy ban Dân tộc đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh khẩn trương chỉ đạo phổ biến, quán triệt nội dung Quyết định số 50/2016/QĐ-TTg ngày 03/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời chỉ đạo cấp xã, cấp huyện tổ chức xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, II, I theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Quyết định số 50/2016/QĐ-TTg và các phụ lục, mẫu biểu kèm theo văn bản này; lập hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ kết quả phân loại xã khu vực III, II, I và thôn đặc biệt khó khăn của tỉnh.

Văn bản đề nghị và hồ sơ (kèm file điện tử) gửi về Ủy ban Dân tộc số 80 Phan Đình Phùng, Ba Đình, Hà Nội trước ngày 05/12/2016.

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm, khẩn trương tổ chức thực hiện. Quá thời hạn trên, Ủy ban Dân tộc không có căn cứ để trình Thủ tướng chính phủ thi địa phương phải chịu trách nhiệm. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc kịp thời thông tin về Ủy ban Dân tộc (qua Vụ Chính sách Dân tộc, email: vuchinh sachdantoc@cema.gov.vn, điện thoại: 0437349438) để phối hợp giải quyết. /

**Nơi nhận**

- Như trên;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm;
- Các Thứ trưởng, Phó Chủ nhiệm;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Công TTĐT UBNDT;
- Lưu VT, Vụ CSDT(03b). 443

**BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM****Đỗ Văn Chiến**



**Phụ lục 01:**  
**CƠ SỞ XÁC ĐỊNH TIÊU CHÍ**

(Kèm theo công văn số 4438 /UBND-CSĐT ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban Dân tộc)

TT	NỘI DUNG	DIỄN GIẢI
1	Các thôn, xã xác định theo các tiêu chí của Quyết định số 50/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	<ul style="list-style-type: none"><li>- Các thôn, xã có tên trong Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 19/9/2013 về việc Công nhận thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012-2015 và Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 về việc Công nhận bổ sung, điều chỉnh thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.</li><li>- Các thôn, xã được chia tách, thành lập mới (bao gồm cả các thôn chưa có tên) từ các xã có tên trong Quyết định 447/QĐ-UBND ngày 19/9/2013 và Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 29/10/2015.</li></ul>
2	Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo	<ul style="list-style-type: none"><li>- Được xác định tại các quyết định đã được cấp thẩm quyền phê duyệt về kết quả tổng điều tra, rà soát hộ nghèo, cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.</li><li>- Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo các tỉnh Đồng Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long bao gồm: Bình Phước; Tây Ninh; Đồng Nai; Bà Rịa - Vũng Tàu; Trà Vinh; Vĩnh Long; An Giang; Kiên Giang; Thành Phố Cần Thơ; Hậu Giang; Sóc Trăng; Bạc Liêu; Cà mau</li></ul>
3	Đường giao thông thôn, liên thôn cứng hóa; đường giao thông đến Ủy ban nhân dân xã, đường liên xã nhựa hóa, bê tông hóa	Theo quy định tại Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020
4	Trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	Theo quy định tại Thông tư số 02/2014/TT-BGDĐT ngày 08/02/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.
5	Trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	Theo quy định tại Mục 2 (Trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ 1) của Thông tư số 59/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá, công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu. trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia.
6	Trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia	Theo quy định tại Thông tư số 47/2012/TT-BGDĐT ngày 07/12 /2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy chế công nhận trường trung học cơ sở. trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học đạt chuẩn quốc gia.

TT	NỘI DUNG	DIỄN GIẢI
7	Tiêu chí quốc gia về y tế xã	Theo quy định tại Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của Bộ Y tế về việc ban hành bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã đến 2020.
8	Nhà văn hóa – Khu thể thao thôn, Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã	Theo quy định tại Thông tư số 05/2014/TT-BVHTTDL ngày 30/5/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung Điều 6 của Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm Văn hóa – Thể thao xã và Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08/3/2011 của quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của nhà văn hóa-khu thể thao thôn.
9	Nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Là nước sử dụng trực tiếp hoặc sau lọc thỏa mãn yêu cầu chất lượng không màu, không mùi, không vị lạ, không chứa thành phần gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người, có thể dùng để ăn uống sau khi đun sôi.
10	Nhà tiêu hợp vệ sinh	Theo quy định tại Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/06/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh.

**Chú giải:** Thời điểm xác định các tiêu chí và điều kiện nêu trên được tính tại thời điểm đến 31/10/2016. Riêng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo được xác định theo kết quả tổng điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015 được phê duyệt.

## BIỂU XÁC ĐỊNH TIÊU CHÍ THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN

Thôn ..... Xã ..... huyện ..... tỉnh .....

TT	Các tiêu chí	Đơn vị tính	Kết quả xác định	Ghi chú
1	2	3	4	5
1	Tổng số hộ trong thôn	Hộ		
2	Số hộ là dân tộc thiểu số trong thôn	Hộ		
3	Tỷ lệ hộ nghèo của thôn	%		
4	Tỷ lệ hộ cận nghèo của thôn	%		
5	Trục chính đường giao thông thôn hoặc liên thôn chưa được cứng hóa			
6	Từ 60% trở lên số phòng học cho lớp mẫu giáo chưa được kiên cố	%		
7	Chưa có Nhà văn hóa – Khu thể thao thôn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch			

Tự đánh giá thôn thuộc diện đặc biệt khó khăn (đánh dấu X vào ô tương ứng):

ĐẠT	KHÔNG ĐẠT

**Chú giải:**

- Tiêu chí số 5: Ghi vào cột 4 đã cứng hóa hay chưa cứng hóa.
- Tiêu chí số 6: Ghi vào cột số 4 tỷ lệ số phòng học chưa được kiên cố.
- Tiêu chí số 7: Ghi vào cột số 4 chưa có hoặc có.

**BIỂU XÁC ĐỊNH XÃ THUỘC KHU VỰC I, II, III VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**

Xã ..... huyện ..... tỉnh .....

TT	Các tiêu chí	Đơn vị tính	Kết quả xác định	Ghi chú
1	2	3	4	5
1	Tỷ lệ hộ nghèo của xã	%		
2	Tỷ lệ hộ cận nghèo của xã	%		
3	Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số của xã	%		
4	Tổng số thôn của xã	Thôn		
5	Số thôn ĐBKK của xã	Thôn		
6	Trục đường giao thông đến UBND xã hoặc đường liên xã chưa được nhựa hóa, bê tông hóa			
7	Trường mầm non, trường tiểu học hoặc trường Trung học cơ sở chưa đạt chuẩn			
8	Chưa đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã			
9	Chưa có trung tâm văn hóa, Thể thao xã			
10	Tỷ lệ hộ chưa có nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%		
11	Tỷ lệ hộ chưa có nhà tiêu hợp vệ sinh	%		

Tự đánh giá xã thuộc khu vực (đánh dấu X vào ô tương ứng):

Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III

**Chú giải:**

- Tiêu chí số 6: Ghi vào cột số 4 được nhựa hóa, bê tông hóa hay chưa.
- Tiêu chí số 7: Ghi vào cột số 4 đạt chuẩn hay chưa (ghi loại trường đạt chuẩn).
- Tiêu chí số 8: Ghi vào cột số 4 đã đạt hay chưa đạt.
- Tiêu chí số 9: Ghi vào cột số 4 chưa có hay đã có.

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN**

Xã ..... huyện ..... tỉnh .....

TT	Tên thôn	Thôn ĐBK	Số hộ (hộ)		Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó hộ DTTS			
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Thôn ...						
2	Thôn ...						
3	Thôn ...						
4	Thôn ...						
5	Thôn ...						
6	....						
<b>TỔNG TOÀN XÃ</b>							

**Chú giải:**

Cột 2: Ghi tên tất cả các thôn hiện nay của xã.

Cột 3: Đánh dấu X vào ô tương ứng nếu là thôn ĐBK.

Cột 4 và 5: Được xác định vào thời điểm 31/12/2015.

Cột 6 và 7: Được xác định theo Quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015.

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN, XÃ KHU VỰC I, II, III**

Huyện ..... tỉnh .....

TT	Tên thôn	Khu vực	Thôn ĐBK	Số hộ (hộ)		Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó hộ DTTS			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>I</b>	<b>Xã ...</b>							
1	Thôn ...							
2	Thôn ...							
3	....							
<b>II</b>	<b>Xã ...</b>							
4	Thôn ...							
5	Thôn ...							
6	....							
<b>TỔNG TOÀN HUYỆN</b>								

**Chú giải:**

Cột 2: Ghi tên tất cả các xã hiện nay của huyện.

Cột 3: Ghi khu vực xã theo rà soát và đề nghị của huyện.

Cột 4: Đánh dấu X vào ô tương ứng nếu là thôn ĐBK.

Cột 5 và 6: Được xác định vào thời điểm 31/12/ 2015.

Cột 7 và 8: Được xác định theo Quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015.



**TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH XÃ THUỘC BA KHU VỰC VÙNG DÂN TỘC VÀ MIỀN NÚI TỈNH .....**

Huyện ..... tỉnh .....

TT	Huyện, thị xã, thành phố (trực thuộc tỉnh)	Tên xã, phường, thị trấn	Khu vực	Số hộ (hộ)		Số khẩu (người)		Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)	Ghi chú
				Tổng số	Hộ là DTTS	Tổng số	khẩu là DTTS			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Huyện...									
1		Xã ...								
2		Xã ...								
3		Xã ...								
...										
II	Huyện									
4		Xã ...								
5		Xã ...								
6		Xã ...								
...										
<b>TỔNG CỘNG</b>										

**Chú giải:**

Cột 2: Ghi tên huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.

Cột 3: Ghi tên xã trực thuộc huyện, thị xã, thành phố của tỉnh.

Cột 4: Ghi khu vực xã theo rà soát và đề nghị của tỉnh bằng số La Mã: I, II, III

Cột 5, 6, 7 và 8: Được xác định vào thời điểm 31/12/ 2015.

Cột 9 và 10: Được xác định theo Quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015.